

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/DS-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v “Tranh chấp về quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Đức Hào

+ Ông Nguyễn Văn Lạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 và ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-DS ngày 05/6/2024 về “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 27/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số C đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1948. Địa chỉ: Đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976. Địa chỉ: F Khu A, Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1950. Địa chỉ: Đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Ủy ban nhân dân huyện V. Địa chỉ: Đường C, khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C - Chủ tịch. (Xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Trần Hữu H - Trưởng Phòng T4. (Xin vắng mặt)

4. Ủy ban nhân dân thị trấn V. Địa chỉ: Đường T, Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S - Chủ tịch. (Xin vắng mặt)

5. Công ty TNHH D1. Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Khắc N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/6/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Năm 1997 ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn B với diện tích ngang 8m dài hết hậu, không nhớ số tiền, lúc đó ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên có làm giấy tay chuyển nhượng nhưng hiện nay không còn giữ. Sau đó, ông kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 979,1m² tại thửa 16 ngày 27/6/2002. Ngày 10/4/2000 ông nhận chuyển nhượng tiếp của ông Lê Văn B với diện tích ngang 02m dài 74,5m giáp với thửa 16 của ông với số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, năm 2005 ông có nhận chuyển nhượng tiếp của ông Nguyễn Khắc N diện tích ngang 5m dài 40 (diện tích đất này ông B đã chuyển nhượng cho ông N nhưng chưa làm thủ tục sang tên) với số tiền 50.000.000 đồng nên ngày 27/12/2005 ông B làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông với diện tích 345,9m² (bao gồm 02m mặt tiền nhận chuyển nhượng của ông B vào năm 2000 và 05m mặt tiền nhận chuyển nhượng của ông N vào năm 2005). Ngày 13/02/2006 ông được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 130 diện tích 345,9m². Đối với thửa 16 ông đã hiến đất cho nhà nước 02 lần nên hiện còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 689m².

Trong quá trình sử dụng đất, giữa ông và ông B phát sinh tranh chấp vào năm 2004 và ông đã hiến đất cho Nhà nước làm lối đi công cộng với diện tích 107,5m². Ngày 10/6/2022 ông B đã tự ý tháo dỡ hàng rào lưới B40 của ông, cắm lại mốc lán chiếm trên phần đất của ông với diện tích 54m² (ngang 6m, dài 9m). Ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn B trả lại diện tích 54m² tại thửa 16 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An và yêu cầu ông Lê

Văn B bồi thường 375.000 đồng trị giá đoạn hàng rào B40. Ngày 18/6/2024 ông Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông Lê Văn B trả diện tích 7,3m² tại thửa 130 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ông Lê Văn B trả lại cho ông diện tích đất tại vị trí C1 diện tích 17,5m² thửa 16, B1 diện tích 4,7m² thửa 130, vị trí D (13m²) thửa 309 theo Mảnh trích đo địa chính số 42-2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V. Ông Nguyễn Thanh T rút yêu cầu đối với vị trí A1 diện tích 2,6m² thửa 17 theo Mảnh trích đo địa chính số 42-2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V. Giữ nguyên yêu cầu ông Lê Văn B bồi thường giá trị đoạn hàng rào B40 với số tiền 375.000 đồng.

- Bị đơn ông Lê Văn B trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T về sự việc ông có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T. Ông trình bày bổ sung: Ông có chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Thanh T nhưng không nhớ năm, diện tích chuyển nhượng ngang 08m với chiều dài từ tim lộ vô 60m, khi đó ông chưa chỉ ranh đất cụ thể mà ông T tự ý làm giấy tờ ông không hay biết. Sau đó ông chuyển nhượng cho ông T thêm 02m mặt tiền cũng với chiều dài tính từ tim lộ vô 60m. Đồng thời, ông có cản trừ nợ với ông Nguyễn Khắc N 10m mặt tiền với chiều dài 40m, ông N chuyển nhượng cho ông T 05m mặt tiền và hai bên tự làm giấy tờ cho ông T ông không biết. Đến sau này ông mướm trồng cây, thì ông T thưa ông ra Ban hòa giải giải quyết ranh giới là ranh giới chuyển nhượng đến cây Bạch đàn ông đã trồng 17 năm, bán kính ước tính là 150-160mm, chiều cao khoảng 10m, trước gốc Bạch đàn là của ông T, sau gốc Bạch đàn là của ông. Sau này ông T tự cưa cây Bạch đàn, còn gốc Bạch đàn sau này làm đường ông T bứng luôn gốc nên hiện nay không còn, ông T còn làm hàng rào lán qua đất ông, ông không đồng ý và cắt hàng rào bao của ông T và ông T khởi kiện ông ra Tòa. Sau đó ông T và địa chính tự đo bắt ông ký tên nhưng ông không đồng ý. Ông chỉ ký giấy viết tay bán cho ông T 02m đất vào năm 2000 nhưng không phải giấy sang nhượng do ông T cung cấp. Trước yêu cầu khởi kiện của ông T ông không đồng ý, ông đề nghị xem xét bồi thường cho ông giá trị cây bạch đàn.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn B trình bày hiện nay nếu ông Nguyễn Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến đâu thì đồng ý đã chuyển nhượng diện tích đất đến đó không tranh chấp, còn phần đất do UBND thị trấn quản lý ông không tranh chấp, đồng ý bồi thường cho ông T số tiền 375.000 đồng trị giá hàng rào B40, đối với yêu cầu bồi thường giá trị cây bạch đàn nếu có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác. Cụ thể, không tranh chấp và đồng ý ông T được quyền sử dụng đất tại vị trí C1 diện tích 17,5m² thửa 16, vị trí B1 diện tích 4,7m² thửa 130 theo Mảnh trích đo địa chính số 42-2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ2 tại huyện V, còn vị trí D (13m²) hiện nay đất thuộc UBND thị trấn V đang quản lý ông không đồng ý với yêu cầu của

ông T, ông sẽ xin chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Đối với vị trí A1 diện tích 2,6m² thửa 17 theo Mảnh trích đo địa chính số 42-2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V là đất của ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T.

+ Bà Lê Thị Đ trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Lê Văn B.

+ Ủy ban nhân dân huyện V trình bày tại Công văn số 1323/UBND-TNMT ngày 04/4/2024:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thanh T vào ngày 27/6/2003 đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3, diện tích 979,1m² trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, Biên bản xác minh nguồn gốc đất, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, hồ sơ kỹ thuật thửa đất đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đối tượng sử dụng đúng theo quy định pháp luật.

Việc đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở bản đồ địa chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các hộ giáp ranh có xác định ranh giới trên Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

Việc thực hiện điều chỉnh giảm diện tích thửa đất số 16 vào tháng 11/2004 được thực hiện trích lục bản đồ địa chính và Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng), diện tích tứ cận được thể hiện là cạnh dài 11; 11, cạnh ngang 10,5; 9,3. Diện tích điều chỉnh như sau: Thửa đất 16 diện tích từ 979,1m² điều chỉnh thành 871,6m² (giảm 107,5m²).

Ý kiến của UBND huyện V đối với vụ án: Đề nghị Tòa án Nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật

+ Ủy ban nhân dân thị trấn V trình bày tại Công văn số 636/CV.UBND ngày 09/8/2024:

Về diện tích 13m²(vị trí D) tại một phần thửa 309 theo Mảnh trích đo địa chính số 22-2023 ngày 15/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ2: Theo Quyết định số 1343/QĐ.UB ngày 24/11/2004 của UBND huyện V phần diện tích này đã thu hồi điều chỉnh giảm do quy hoạch làm đường và lối đi công cộng (nay là hẻm A) thuộc đất UBND thị trấn quản lý. Do đó đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại các phiên tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ Công ty TNHH D1 trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng Công ty TNHH D1 không thể hiện ý kiến.

+ Bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày: Bà là con ruột của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị D, khi ly hôn cha mẹ có thỏa thuận cho bà 345,9m² đất thổ cư tại thửa 130 tờ bản đồ số 3 cùng căn nhà trên đất do ông Nguyễn Thanh T2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp ngày 13/02/2006. Bà thống nhất lời trình bày của ông T2 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Văn B. Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa cha mẹ về việc cho bà diện tích đất tại thửa 130 và căn nhà trên đất.

+ Ông Nguyễn Khắc N trình bày:

Do trước đây tôi có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Lê Văn B nhưng vợ chồng ông B không có tiền trả nên cần trừ cho tôi 10m đất mặt tiền giáp đường N, tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An, chiều dài 40m, giáp phần đất của ông Nguyễn Thanh T. Do tôi không có nhu cầu sử dụng và ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị D muốn mua nên năm 2005 tôi đã bán lại cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị D 05m mặt tiền với số tiền khoảng 50.000.000 đồng, cũng không nhớ rõ vì sự việc rất lâu. Lúc cần trừ nợ vợ chồng ông Lê Văn B chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tôi nên tôi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng đất cho ông T, bà D thì tôi và ông B, ông T thỏa thuận ông B sẽ làm thủ tục chuyển nhượng trực tiếp cho ông T luôn. Sau đó, ông B lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng từ Ngân hàng và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T. Ông T đã giao tiền cho tôi đầy đủ đến nay không ai tranh chấp.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tất cả đều chấp hành theo quy định, riêng Công ty TNHH D1 và bà Nguyễn Thị Kim T1 chưa chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ông Lê Văn B, bà Lê Thị Đ trả diện tích: Vị trí C1 diện tích 17,5m² thửa 16; Vị trí B1 diện tích 4,7m² thửa 130; Vị trí A1 diện tích 2,6m²; Vị trí D diện tích 13m²; yêu cầu bồi thường 375.000 đồng là giá trị hàng rào B40. Tại phiên tòa, ông T rút yêu cầu tại vị trí A1 diện tích 2,6m² nguyên nhân là do vị trí A1 hiện do ông Lê Văn B đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn tại vị trí A1.

Đối với vị trí B1 diện tích 4,7m² thuộc thửa 130; Vị trí C1 diện tích 17,5m² thuộc thửa 16, bị đơn ông Lê Văn B và bà Lê Thị Đ không tranh chấp vì ông bà cho rằng hai vị trí này hiện do ông Nguyễn Thanh T đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó, ông B và Đ thừa nhận đã tháo dỡ hàng rào của ông T và đã làm mất nên đồng ý bồi thường giá trị hàng rào B40 375.000 đồng. Với sự thống nhất trên của bị đơn, có cơ sở đề nghị Hội đồng xét

xử xác định vị trí B1 và C1 là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh T và chấp nhận yêu cầu tiền bồi thường của nguyên đơn.

Đối với Vị trí D diện tích 13m² thuộc thửa 309, căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 42-2024 do Chi nhánh Văn phòng đất đai tại huyện V đo vẽ và được duyệt vào ngày 06/8/2024 và theo công văn số 636/CV.UBND ngày 09/8/2024 của UBND thị trấn xác định đây là phần diện tích này đã thu hồi điều chỉnh giảm do quy hoạch làm đường và làm lối đi công cộng (nay là hẻm A) thuộc UBND thị trấn quản lý (theo quyết định số 1343/QĐ.UB ngày 24/11/2004 của UBND huyện V). Do đó ông T yêu cầu ông B bà Đ trả Vị trí D diện tích 13m² là không có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 175, 589 Bộ luật Dân sự. Các Điều 125, 166, 203 Luật Đất đai đề nghị chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu tại vị trí C1, B1; không chấp nhận yêu cầu tại vị trí D; chấp nhận yêu cầu bồi thường; đình chỉ yêu cầu tại vị trí A1 và đề nghị công nhận sự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản, diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện V, UBND thị trấn V, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Khắc N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện xin giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH D1, bà Nguyễn Thị Kim T1 được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về thủ tục tố tụng và yêu cầu của các đương sự: Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh T trong đó có thửa đất 16, 130. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh T có tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới đất) với ông Lê Văn B tại thửa 16, 130. Ngày 07/12/2023 Tòa án thụ lý bổ sung về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn B. Ngày 05/6/2024 bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh T và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã thỏa thuận được với nhau về tất cả các vấn đề có tranh chấp trong vụ án trừ tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn B, bà

Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh T có đơn xin tách vụ án và Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Ngày 05/6/2024 Tòa án có Quyết định tách vụ án số 01/2024/QĐST-DS, trong đó tách vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2022 thành 02 vụ án, vụ án thứ nhất là vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2022, vụ án thứ 2 là vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-DS ngày 05/6/2024. Ngày 13/6/2024 Tòa án có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2024/QĐST-HNGĐ đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2022. Ngày 18/6/2024 Tòa án tiếp tục thụ lý bổ sung về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn B đối với vụ án dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-DS ngày 05/6/2024.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp về quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T.

[4.1] Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

[4.1.1] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở tại thửa 16 tờ bản đồ số 3 cho ông Nguyễn Thanh T. Ngày 19/11/2002 ông Nguyễn Thanh T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích 979,1 m² đất thổ có nguồn gốc mua lại của ông Lê Văn B năm 1997, ngày 11/11/2002 UBND thị trấn V có biên bản xác minh nguồn gốc đất, ngày 07/6/1997 có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, ngày 01/9/1997 có hồ sơ kỹ thuật thửa đất, ngày 27/6/2003 hộ ông (bà) Nguyễn Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 979,1m² đất thổ. Ngày 01/12/2003 UBND huyện V có Quyết định số 1616/QĐ.UB về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thanh T về hành vi xây dựng nhà ở cấp 3, vi phạm xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng, ngày 16/3/2004 ông Nguyễn Thanh T có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở - quyền sử dụng đất ở, ngày 30/3/2004 hộ ông (bà) Nguyễn Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với diện tích nhà ở 143,67m², diện tích đất ở 979,1m². Ngày 25/10/2004 ông Nguyễn Thanh T có đơn xin đăng ký biến động đất đai, ngày 24/11/2004 UBND huyện V có quyết định số 1343/QĐ.UB về việc điều chỉnh diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở - quyền sử dụng đất ở của hộ ông Nguyễn Thanh T có nội dung điều chỉnh diện tích từ 979,1m² thành 871,6m² (giảm 107,5m²). Ngày 31/6/2019 ông Nguyễn Thanh T có đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất nội dung xóa chữ “Hộ” trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, ngày 01/8/2019 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V điều chỉnh nội dung người sử dụng đất “hộ ông (bà) Nguyễn Thanh T” được điều chỉnh thành “ông Nguyễn Thanh T”. Ngày 12/12/2019 ông Nguyễn Thanh T có đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất lý do hiến 182,6m² cho nhà nước mở rộng lối đi công cộng, ngày 16/01/2020 UBND huyện V có Quyết định số 275/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung điều chỉnh diện tích 871,6m² thành 689m² (giảm 182,6m²).

[4.1.2] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại thửa 130 tờ bản đồ số 3 cho ông Nguyễn Thanh T. Ngày 27/12/2005 ông Lê Văn B lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T với diện tích 345,9m² đất tại một phần thửa 17 được UBND thị trấn V xác nhận. Ngày 13/02/2006 ông Nguyễn Thanh T được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 345,9m² đất thổ cư tại thửa 130.

[4.1.3] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tại thửa 17 tờ bản đồ số 3 cho ông Lê Văn B. Ngày 14/8/1998 ông Lê Văn B có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, ngày 14/8/1998 ông Lê Văn B đăng ký nhà ở và đất ở, ngày 10/10/2001 UBND thị trấn V có bản xác minh nguồn gốc đất, ngày 02/6/1997 có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, ngày 25/01/2002 hộ ông (bà) Lê Văn B được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.073m² đất thổ. Ngày 17/01/2006 Phòng T4 thay đổi, đã chuyển quyền sử dụng đất cho các ông (bà) Nguyễn Thành P, Lê Thị M, Đỗ Ngọc Đ1, Nguyễn Thanh T, Lê Văn T3, Lê Văn Y theo hợp đồng chuyển nhượng được UBND thị trấn V xác nhận ngày 27/12/2005, diện tích chuyển nhượng 1.593,4m² nên diện tích còn lại 1.479,6m². Ngày 19/3/2008 ông Lê Văn B có đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, ngày 10/6/2008 UBND huyện V có quyết định số 1669/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng thời cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu hồi cho hộ ông Lê Văn B, tổng diện tích cấp giấy 1.362,2m² (giảm 117,4m² do mở rộng lộ giới đường N). Ngày 31/3/2008 ông Lê Văn B được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.362,2m² thửa 17 đất ở tại đô thị. Ngày 02/4/2014 Phòng T4 thay đổi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “hộ ông Lê Văn B được điều chỉnh thành ông Lê Văn B”.

[4.2] Các đương sự thống nhất Mạnh trích đo số 42 - 2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V (gọi tắt Mạnh trích đo số 42) và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2024 làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4.3] Tại Công văn số 1323/UBND-TNMT ngày 04/4/2024 của UBND huyện V thể hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thanh T vào ngày 27/6/2003 đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3, diện tích 979,1m² trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, Biên bản xác minh nguồn gốc đất, Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, hồ sơ kỹ thuật thửa đất đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đối tượng sử dụng đúng theo quy định pháp luật.

[4.4] Tại Công văn số 100/CV.UBND ngày 09/8/2024 Ủy ban nhân dân thị trấn V thể hiện diện tích 13m² (vị trí D) tại một phần thửa 309 theo Mạnh trích đo địa chính số 22-2023 ngày 15/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ2: Theo Quyết định số 1343/QĐ.UB ngày 24/11/2004 của UBND huyện V phần diện tích này đã thu hồi điều chỉnh giảm do quy hoạch làm đường và lối đi công cộng thuộc đất UBND thị trấn quản lý

[4.5] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/5/2024 thể hiện: Phần đất tranh chấp C1, B1, D, A1 hiện là đất trống, không có công trình kiến trúc hay cây trồng lâu năm trên đất, tuy nhiên tại vị trí B1 có 01 cây xoài có 02 nhánh, một nhánh đường kính 27cm, 01 nhánh đường kính 7cm được các đương sự thừa nhận tự mọc mà không ai trồng.

[4.6] Xét, các diện tích đất tranh chấp hiện tại phía ông Nguyễn Thanh T hay ông Lê Văn B không ai trực tiếp sử dụng. Đối với thửa đất số 16 ông T và ông B thống nhất ông T đã nhận chuyển nhượng đất của ông B vào năm 1997 khi ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà ông T đã làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần còn lại ông cũng đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B cho rằng chiều dài diện tích đất chuyển nhượng cho ông T từ tim đường N vào 60m tức đến cây bạch đàn nhưng ông T đã chặt bỏ và vị trí cây bạch đàn là phần đất ông B xác định theo Mảnh trích đo. Còn ông T cho rằng nhận chuyển nhượng đến mặt hậu giáp ranh với bà Bùi Thị H1. Hai bên cho rằng có lập giấy tay nhưng hiện nay không còn. Xét, về hồ sơ cấp giấy như đã liệt kê nêu trên, ông B là người thực hiện thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy trước ông Nguyễn Thanh T. Trong hồ sơ cấp giấy của ông B thể hiện có biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 02/6/1997 thể hiện đất thuộc quyền sử dụng đất của ông có mặt hậu một phần giáp đất của bà Bùi Thị H1, phần đất của ông Nguyễn Thanh T cũng có mặt hậu giáp đất của bà Bùi Thị H1 mà ông không có ý kiến tranh chấp và đã được cấp giấy ngày 25/01/2002. Tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 7/6/1997 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh T cũng thể hiện mặt hậu đất của ông Nguyễn Thanh T giáp với đất của bà Lê Thị H2. Và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/2003 không ai phản đối.

[4.7] Đối với diện tích 17m² tại vị trí C1 của Mảnh trích đo số 42 ông B cho rằng không có chuyển nhượng cho ông T mà ông B cho rằng chuyển nhượng đến cây bạch đàn hiện là mốc ông xác định nhưng không có gì chứng minh thỏa thuận chuyển nhượng đến cây bạch đàn và hiện nay cây bạch đàn cũng không còn nên có căn cứ xác định diện tích đất này ông T đã nhận chuyển nhượng từ ông B vào năm 1997 và tại phiên tòa ông B không tranh chấp và đồng ý ông T sử dụng phần đất này nên yêu cầu của ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4.8] Đối với diện tích 4,7m² vị trí B1 của Mảnh trích đo số 42, ông B thừa nhận có ký giấy sang nhượng cho ông T, căn cứ giấy sang nhượng đất ngày 10/4/2000 thì thể hiện hai bên có thỏa thuận chuyển nhượng diện tích 02m mặt tiền với chiều dài 74,5m. Ngày 27/12/2005 ông có ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông T có cùng với diện tích ngang 5 dài 30m đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khắc N nhưng so với M1 trích đo số 42 chiều dài đến ranh cấp giấy cho ông T 70,7m nên có căn cứ xác định diện tích đất tại khu B là diện tích ông B chuyển nhượng cho ông T vào năm 2000 và tại phiên tòa ông B không tranh chấp và đồng ý ông T sử dụng phần đất này nên yêu cầu của ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4.9] Đối với diện tích 13m² vị trí D của Mảnh trích đo số 42, trong quá trình sử dụng đất thì phía bên ông T và ông B có tranh chấp bên ông T đã đồng ý điều chỉnh giảm 107,5m². Sau đó, ngày 12/12/2019 ông T có đăng ký biến động giảm 182,6m², diện tích đất còn lại được thể hiện trong Mảnh trích đo địa chính ngày 16/01/2020. Và căn cứ Mảnh trích đo số 42 thì tại vị trí D diện tích 13m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T nữa mà thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn V nhưng ông T yêu cầu ông B trả diện tích đất này là không có căn cứ chấp nhận.

[4.10] Đối với diện tích 2,6m² vị trí A1 của Mảnh trích đo số 42 không có căn cứ ông T nhận chuyển nhượng từ ông B và hiện nay ông B vẫn là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông T theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T. Từ những nhận định tại mục [4] nêu trên, xác định phần đất tranh chấp tại vị trí C1 của Mảnh trích đo số 42 thuộc quyền sử dụng của ông T và phần đất tranh chấp tại vị trí D của Mảnh trích đo số 42 do UBND thị trấn quản lý, khi hai bên tranh chấp thì ông Lê Văn B tự ý tháo dỡ hàng rào B40 có chiều dài 6m giá trị 375.000 đồng và đoạn hàng rào B40 đã bị mất. Ông T bị thiệt hại về tài sản do ông B gây ra và tại phiên tòa ông B đồng ý bồi thường cho ông T số tiền 375.000 đồng nên yêu cầu của ông T được chấp nhận.

[6] Đối với việc thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh T được lập vào ngày 05/6/2024. Theo đó, bà D và ông T thỏa thuận ông T được quyền sử dụng thửa đất số 16 và sở hữu căn nhà trên đất, cho con gái Nguyễn Thị Kim T1 quyền sử dụng tại thửa đất số 130 và sở hữu căn nhà trên đất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Căn cứ Mảnh trích đo số 42 diện tích đất đo thực tế tại thửa 16 là 547,5m² ông T cũng đồng ý nên ghi nhận ông T được quyền sử dụng diện tích đất này.

[7] Đối với Công ty D1 hiện nay đang thuê nhà tại thửa 130, không ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[8] Đối với yêu cầu của ông Lê Văn B yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả lại cây bạch đàn nhưng chỉ là lời trình bày, không làm đơn yêu cầu phản tố để Tòa án xem xét và tại bản tự khai ngày 24/7/2024 chỉ thể hiện yêu cầu trả lại trị giá cây bạch đàn đến hiện tại bây giờ mà không đưa ra các chứng cứ chứng minh, hơn nữa tại phiên tòa ông B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét trong vụ án này. Trường hợp ông có tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản đối với ông Nguyễn Thanh T thì Tòa án sẽ giải quyết thành vụ án khác cũng đảm bảo quyền lợi của ông.

[9] Đối với diện tích đất 2m² thửa 130 tại vị trí B2 theo Mảnh trích đo số 42 không ai tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[10] Đối với diện tích 2,7m² thửa 17 tại vị trí A1 theo Mảnh trích đo số 42 ông Lê Văn B đang thế chấp tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh V, Ngân hàng không có ý kiến nên không xem xét.

[11] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản, sao lục hồ sơ cấp giấy đã được giải quyết trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2024 nên các đương sự trong vụ án này không phải chịu chi phí tố tụng.

[12] Về án phí: Do ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Văn B thuộc trường hợp người cao tuổi và xin miễn tiền án phí nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông T và ông B được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 175, 357, 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự ; Căn cứ Điều 2 Luật Đất đai 1993; Điều 99, 101, 166, 203 Luật Đất đai 2013; Căn cứ Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Lê Văn B đối với diện tích 2,6m² thửa 17 tại vị trí A1 theo Mảnh trích đo số 42 - 2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Lê Văn B.

2.1. Buộc ông Lê Văn B phải trả cho ông Nguyễn Thanh T 17,5m² đất thổ cư tại một phần thửa 16 tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được UBND huyện V cấp ngày 30/3/2004, cụ thể tại vị trí C1 theo Mảnh trích đo số 42 - 2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V. Đất tọa lạc tại đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

2.2. Buộc ông Lê Văn B phải trả cho ông Nguyễn Thanh T 4,7m² đất thổ cư tại một phần thửa 130 tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp ngày 13/02/2006, cụ thể tại vị trí B1 theo Mảnh trích đo số 42 - 2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V. Đất tọa lạc tại đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu ông Lê Văn B trả 13m² đất tại một phần thửa 309 tại vị trí D theo Mảnh

trích đo số 42 - 2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với ông Lê Văn B.

Buộc ông Lê Văn B có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị D về việc xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, cụ thể:

5.1. Xác định ông Nguyễn Thanh T được quyền sử dụng đất đối với diện tích diện tích đo thực tế $547,5m^2$ (diện tích đất được cấp giấy $689m^2$) đất thổ cư tại thửa 16 tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được UBND huyện V cấp ngày 30/3/2004, cụ thể tại vị trí C và C1 theo Mảnh trích đo số 42 - 2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V. Xác định ông Nguyễn Thanh T được quyền sở hữu căn nhà diện tích $177,3m^2$ (diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà $143,67m^2$) có kết cấu móng, cột, BTCT, tường, nền gạch, 01 tầng, máy tole trên thửa đất số 16 tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được UBND huyện V cấp ngày 30/3/2004 và trên một phần thửa đất 130 tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp ngày 13/02/2006. Đất và nhà tọa lạc tại đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

5.2. Xác định bà Nguyễn Thị Kim T1 được quyền sử dụng đất đối với diện tích diện tích đo thực tế $339,2m^2$ (diện tích được cấp giấy $345,9m^2$) đất thổ cư tại thửa 130 tờ bản đồ số 3 do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp ngày 13/02/2006, cụ thể tại vị trí B, B1, B2 theo Mảnh trích đo số 42 - 2024 ngày 06/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện V và được quyền sở hữu căn nhà xây trên đất có diện tích $135,4m^2$, kết cấu nền gạch, tường gạch, mái tole. Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ giao diện tích đất và nhà nói trên cho bà Nguyễn Thị Kim T1. Đất và nhà tọa lạc tại đường N, Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Kim T1 có quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích $339,2m^2$ đất thổ cư tại thửa 130 tờ bản đồ số 3 nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện V cấp ngày 13/02/2006 nêu trên cho bà Nguyễn Thị

Kim T1 để bà T1 thực hiện quyền kê khai, đăng ký để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh T không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị Kim T1 được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

6. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T, ông Lê Văn B được miễn tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The